

**Phụ lục I**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ CHƯƠNG TRÌNH OCOP GIAI ĐOẠN TỪ IV/2018-2020**  
*(Kèm theo Kế hoạch số            /KH-UBND ngày            tháng 10 năm 2020 của UBND huyện Tháp Mười)*

Số TT	Nội dung thực hiện	Chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao		Tổng kinh phí giai đoạn từ IV/2018-2020				Quý IV/2018				Năm 2019				Ước thực hiện năm 2020			
		ĐVT	Chỉ tiêu nhiệm vụ	Tổng số	Chương trình NMT	Địa phương	Khác	Tổng số	Chương trình NMT	Địa phương	Khác	Tổng số	Chương trình NMT	Địa phương	Khác	Tổng số	Chương trình NMT	Địa phương	Khác
1	Số lượng SP được đánh giá, xếp hạng	SP		14				0				6				8			
2	Kinh phí phục vụ đánh giá, xếp hạng	Triệu đồng		80				0				40				40			
3	Đào tạo, tập huấn cho cán bộ quản lý	Người		50				18				20				12			
4	Tập huấn cho chủ thể tham gia	Người		150				58				63				29			
5	Lắp đặt bảng tuyên truyền	Cái		13				0				11				2			

**Phụ lục II**  
**DANH SÁCH SẢN PHẨM DỰ KIẾN TIÊU CHUẨN HOÁ VÀ SẢN PHẨM CHỦ LỰC**  
(Kèm theo Kế hoạch số            /KH-UBND ngày            tháng 10 năm 2020 của UBND huyện Tháp Mười)

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng	Thực phẩm	Đồ uống	Thảo dược	Thủ công, mỹ nghệ, trang trí	Ngành vải may mặc	Ngành dịch vụ du lịch nông thôn và bán hàng	Địa chỉ sản xuất	Có nhãn hiệu SP	Đã công bố CL SP	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Danh mục sản phẩm chuẩn hoá</b>	<b>14</b>										
1	Hạt sen sấy	1	x						Đồng Tháp Mười	x	x	Đã xếp hạng năm 2019
2	Trà tim sen	1	x						Đồng Tháp Mười	x	x	Đã xếp hạng năm 2019
3	Rượu hồng sen tửu	1		x					Đồng Tháp Mười	x	x	Đã xếp hạng năm 2019
4	Rượu hồng sen tửu đặc biệt	1		x					Đồng Tháp Mười	x	x	Đã xếp hạng năm 2019
5	Hạt sen sấy	1	x						Sen Đại Việt	x	x	Đã xếp hạng năm 2020
6	Trà tim sen	1	x						Sen Đại Việt	x	x	Đã xếp hạng năm 2020
7	Hạt sen tươi	1	x						Sen Đại Việt	x	x	Đã xếp hạng năm 2020

8	Củ sen cắt lát	1	x						Sen Đại Việt	x	x	Đã xếp hạng năm 2020
9	Trà hoa sen	1	x						Khánh Thu	x	x	Đã xếp hạng năm 2019
10	Trà Hà diệp liên	1	x						Khánh Thu	x	x	Đã xếp hạng năm 2019
11	Khô cá sặc rằn	1	x						Dân Mập	x	x	Đã xếp hạng năm 2020
12	Khô cá sặc rằn	1	x						Hùng Hồng	x	x	Đã xếp hạng năm 2020
13	Khô cá trê vàng	1	x						Hùng Hồng	x	x	Đã xếp hạng năm 2020
14	Khô cá lóc	1	x						Hùng Hồng	x	x	Đã xếp hạng năm 2020
<b>II</b>	<b>Danh mục sản phẩm chủ lực</b>	<b>26</b>										
1	Hạt sen tươi	1	x						Giàu Sen	x		
2	Sữa bắp tươi	1		x					Giàu Sen	x		
3	Sữa sen tươi	1		x					Giàu Sen	x		
4	Quả chanh tươi	1	x						Độc Bình Kiều			
5	Bưởi da xanh	1	x						Trường Xuân			
6	Dưa cọng sen	1	x						Mỹ Quý	x		
7	Mắm cá tra	1	x						Mỹ Hòa	x		
8	Khô cá lòng tong	1	x						Dân Mập	x		

9	Mật ong tràm Đồng Tháp Mười	1	x						Đồng Tháp Mười	x	x	
10	Trứng vịt sạch	1	x						Ba Bé - Láng Biền			
11	Trứng vịt sạch	1	x						Út Mới - Mỹ Hòa			
12	Rượu hoa liên tửu	1		x					Khánh Thu	x	x	
13	Nước mát Detox	1		x					Khánh Thu	x	x	
14	Rượu dương tửu	1		x					Mỹ An	x	x	
15	Sữa sen tươi	1		x					Diễm Thúy 2	x	x	
16	Sữa sen bột	1		x					Diễm Thúy 2	x	x	
17	Dịch vụ du lịch nông thôn và bán hàng	10						x	Khu Đồng Sen, Trường Xuân, Phú Điền	x		

**Phụ lục III**

**DỰ KIẾN HÌNH THÀNH NHÓM SẢN PHẨM "DỊCH VỤ DUC LỊCH CỘNG ĐỒNG VÀ ĐIỂM  
DU LỊCH" GẮN VỚI CHƯƠNG TRÌNH OCOP GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 10 năm 2020 của UBND huyện Tháp Mười)*

<b>Số TT</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Sản phẩm truyền thống gắn với địa điểm</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Xã Láng Biển	Khô cá sặc rằn, làng nghề nuôi cá sặc rằn, chế biến khô gắn với du lịch cộng đồng nông thôn	
2	Xã Mỹ Hòa	Nghề trồng sen, chế biến các sản phẩm từ sen gắn với du lịch cộng đồng nông thôn	

**Phụ lục IV**  
**KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH OCOP GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
*(Kèm theo Kế hoạch số            /KH-UBND ngày            tháng 10 năm 2020 của UBND huyện Tháp Mười)*

**ĐVT: Triệu đồng**

Số TT	Danh mục	Qui mô/điển giải	Khái toán kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí vốn trong trung hạn giai đoạn 2021-2025	Trong đó					Ghi chú
					Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
	<b>Tổng số</b>		<b>983,250</b>	<b>983,250</b>	<b>199,650</b>	<b>199,650</b>	<b>199,650</b>	<b>199,650</b>	<b>184,650</b>	
	<i>Trong đó:</i>									
<b>I</b>	<b>Ngân sách Trung ương</b>									
<b>1</b>	<b>Hội nghị triển khai, tuyên truyền Chương trình OCOP cấp huyện hàng năm</b>	<b>01 cuộc/năm (SL 100 người)</b>	<b>92,500</b>	<b>92,500</b>	<b>18,500</b>	<b>18,500</b>	<b>18,500</b>	<b>18,500</b>	<b>18,500</b>	
	- Thuê báo cáo viên (Tiền sĩ)	01 người/ngày	6,000	6,000	1,200	1,200	1,200	1,200	1,200	
	- Tiền ăn cho người không hưởng lương	80 người	40,000	40,000	8,000	8,000	8,000	8,000	8,000	
	- Trà, nước	100 người	5,000	5,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	
	- Trang trí Hội trường	01 lần	5,000	5,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	
	- Xe đưa đón báo cáo viên (Tp HCM)	02 lượt	10,000	10,000	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000	
	- Phòng nghỉ cho báo cáo viên	01 đêm	1,500	1,500	0,300	0,300	0,300	0,300	0,300	
	- Tài liệu tập huấn	100 cuốn	25,000	25,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	
<b>2</b>	<b>Tập huấn cho cán bộ xã/thị trấn về đánh giá sản phẩm và hoàn chỉnh hồ sơ</b>	<b>01 cuộc/năm (SL 100 người)</b>	<b>90,000</b>	<b>90,000</b>	<b>18,000</b>	<b>18,000</b>	<b>18,000</b>	<b>18,000</b>	<b>18,000</b>	
	- Thuê báo cáo viên (Tiền sĩ)	01 người/ngày	6,000	6,000	1,200	1,200	1,200	1,200	1,200	
	- Tiền ăn cho người không hưởng lương	80 người x 100.000đ	40,000	40,000	8,000	8,000	8,000	8,000	8,000	
	- Trà, nước	80 người x 10.000đ	5,000	5,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	
	- Trang trí Hội trường	01 lần	2,500	2,500	0,500	0,500	0,500	0,500	0,500	
	- Xe đưa đón báo cáo viên (Tp HCM)	02 lượt	15,000	15,000	3,000	3,000	3,000	3,000	3,000	

	- Phòng nghỉ cho báo cáo viên	01 đêm	1,500	1,500	0,300	0,300	0,300	0,300	0,300	
	- Tài liệu tập huấn	80 cuốn x 50.000đ	20,000	20,000	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000	
<b>3</b>	<b>Hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu hàng hóa thông thường, mã số, mã vạch, truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm</b>		<b>350,000</b>	<b>350,000</b>	<b>70,000</b>	<b>70,000</b>	<b>70,000</b>	<b>70,000</b>	<b>70,000</b>	
	- Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa thông thường	40 sản phẩm x 5 triệu/sản phẩm	200,000	200,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	
	- Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa của cơ sở	3 nhãn hiệu/năm x 10 triệu	150,000	150,000	30,000	30,000	30,000	30,000	30,000	
<b>4</b>	<b>Hỗ trợ tham gia xúc tiến thương mại, hội chợ</b>	<b>5 chủ thể/năm x 5 triệu</b>	125,000	125,000	25,000	25,000	25,000	25,000	25,000	
<b>5</b>	<b>Hỗ trợ xây dựng câu chuyện sản phẩm bằng hình thức video</b>	<b>13 chủ thể x 10 triệu/chủ thể</b>	<b>135,000</b>	<b>135,000</b>	<b>30,000</b>	<b>30,000</b>	<b>30,000</b>	<b>30,000</b>	<b>15,000</b>	
<b>6</b>	<b>Kinh phí phục vụ hội thi, đánh giá cấp huyện</b>		190,750	190,750	38,150	38,150	38,150	38,150	38,150	
	- Chi tiền ăn nước uống cho thành viên Hội đồng đánh giá	3 ngày x (200.000đ/ngày x 2 người + 150,000đ/ngày x 7 người)	21,750	21,750	4,350	4,350	4,350	4,350	4,350	
	- Tiền phô tô hồ sơ sản phẩm tham gia chấm cấp huyện	15 hồ sơ/năm x 100.000đ/bộ x 9 bộ	67,500	67,500	13,500	13,500	13,500	13,500	13,500	
	- Chi văn phòng phẩm khác (bút, bìa, ghim, kẹp....)	15 bộ hồ sơ/năm x 50.000đ/bộ	3,750	3,750	0,750	0,750	0,750	0,750	0,750	
	- Chi phí ăn uống, đi lại cho HĐ kiểm tra thực tế tại cơ sở	13 cơ sở x (200.000đ/ngày x 2 người + 150,000đ/ngày x 7 người)	94,250	94,250	18,850	18,850	18,850	18,850	18,850	
	- Chi phí vận chuyển hồ sơ và mẫu sản phẩm đánh giá cấp tỉnh	Mỗi năm 2 chuyến thuê xe vận chuyển	3,500	3,500	0,700	0,700	0,700	0,700	0,700	